CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1315/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 166/TTr-CP ngày 01/6/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 70 công dân hiện đang cư trú tại Hàn Quốc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc

DANH SÁCH
CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI HÀN QUỐC ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-CTN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch nước)

1. **Lê Thị Hoa**, sinh ngày 31/8/1990 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 26 ngày 16/4/2008
Hiện trú tại: 102ho, 59-8 Wonsutaek-ro64beon-gil, Guri-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: B5734360 cấp ngày 13/9/2011 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

2. **Trần Diệu Anh**, sinh ngày 18/8/2004 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP. Hải Phòng, GKS số 73 ngày 03/9/2004
Hiện trú tại: 101 Ho, 741-3, Eungam 3 dong, Eunpyeong-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C2442812 cấp ngày 26/10/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

3. **Trương Thị Tâm**, sinh ngày 07/12/1978 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vạn Ninh, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 134 ngày 29/7/2011
Hiện trú tại: 8, Chilcheonwang-ro 7beon-gil, Seo-gu, Incheon
Hộ chiếu số: B5814990 cấp ngày 10/10/2011 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vạn Ninh, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

4. **Nguyễn Thị Minh Ngọc**, sinh ngày 12/02/2005 tại Hà Tĩnh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, GKS số 14 ngày 05/3/2005
Hiện trú tại: 10-1, Eumnae-ro 5-gil, Goesan-eup, Goesan-gun, Chungchoengbuk-do
Hộ chiếu số: C4714003 cấp ngày 16/3/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

5. **Nguyễn Thị Vân Anh**, sinh ngày 03/9/1989 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội, GKS số 169 ngày 01/11/1989
Hiện trú tại: 57 Chungjang-ro5ga, Dong-gu, Gwangju
Hộ chiếu số: N2087733 cấp ngày 07/6/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội

6. **Nguyễn Bình Thảo Cẩm**, sinh ngày 02/4/2003 tại Kiên Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, GKS số 128 ngày 02/6/2003
Hiện trú tại: 70-1 Choryangjung-ro, Dong-gu-Busan
Hộ chiếu số: C3215062 cấp ngày 17/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

7. **Vũ Minh Hoàn**, sinh ngày 20/9/2006 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Trực Chính, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, GKS số 12 ngày 12/02/2007
Hiện trú tại: 20 Mojeong-ri, Baegun-myeon, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: C7335390 cấp ngày 14/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

8. **Tăng Thị Hậu**, sinh ngày 18/4/1984 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, ĐKKS ngày 05/5/1984
Hiện trú tại: 1029-13, Bulro-dong, Dong-gu, Daegu
Hộ chiếu số: B6636070 cấp ngày 11/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

9. **Đoàn Thị Tuyết Trinh**, sinh ngày 07/6/1995 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bàng La, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, GKS số 39 ngày 10/4/2001
Hiện trú tại: 60 Dotjae-ro, Bugi-myeon, Jangseong-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C1704977 cấp ngày 29/4/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bàng La, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng

10. **Vũ Thị Ngọc Ánh**, sinh ngày 02/3/2007 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, GKS số 37 ngày 16/3/2007
Hiện trú tại: 38, Eumnae-ro 4-gil, Goesan-eup, Goesan-gun, Chungchoengbuk-do
Hộ chiếu số: C7331766 cấp ngày 15/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

11. **Lê Văn Đông**, sinh ngày 17/8/2008 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 114 ngày 09/10/2008
Hiện trú tại: 1104ho, 402dong, 12, Dongrimyongsan-ro, Buk-gu, Gwangju-si
Hộ chiếu số: C7668508 cấp ngày 21/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

12. **Đinh Thị Bảo Trà**, sinh ngày 16/7/2009 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 363 ngày 20/11/2009
Hiện trú tại: 105 dong 302 ho, 14 Homi-ro, Sangdang-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: C5412522 cấp ngày 12/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

13. **Phạm Thị Vân Anh**, sinh ngày 13/01/1986 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, ĐKKS ngày 28/01/1986
Hiện trú tại: 1404ho, 504dong, Euna-apt, Gasuwon-dong, Seo-gu, Deonjeon-si
Hộ chiếu số: N1472774 cấp ngày 08/5/2011 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 8, cầu thang 2A8 Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

14. **Trần Thị Mộng Trinh**, sinh ngày 25/02/1985 tại Kiên Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, GKS số 116 ngày 21/7/2004
Hiện trú tại: 457, Dongtaebaek-ro, Taebaek-si, Gangwon-do
Hộ chiếu số: C8814973 cấp ngày 04/02/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

15. **Nguyễn Thị Dương**, sinh ngày 06/02/1988 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 195 ngày 03/12/2010
Hiện trú tại: 203ho, Woadong 845-17, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2299885 cấp ngày 13/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

16. **Võ Tuyết Dân**, sinh ngày 18/12/1987 tại Bạc Liêu — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, GKS số 645 ngày 04/01/2006
Hiện trú tại: (102ho) Jeongwang-dong 1592-6, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C8231658 cấp ngày 14/10/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu

17. **Nguyễn Công Thành**, sinh ngày 17/9/2005 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường An Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, GKS số 132 ngày 14/10/2005
Hiện trú tại: 404 Boseong Lienville, 16-26 Nokbeon-ro 3-gil, Eunpyoeng-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C4066423 cấp ngày 31/10/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 40/32/143 Tôn Đức Thắng, TP. Hải Phòng

18. **Trần Hữu Vũ**, sinh ngày 11/8/2001 tại Bắc Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
Hiện trú tại: 55-5, Gasuhaengbok-ro, Osan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1915024 cấp ngày 31/01/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

19. **Đồng Ngọc Hà**, sinh ngày 01/9/2008 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường An Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, GKS số 155 ngày 18/9/2008
Hiện trú tại: 220-503, 99 Seosuwon-ro, Gwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5296142 cấp ngày 29/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 10/239 Nguyễn Công Hòa, phường An Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

20. **Đồng Ngọc Hân,** sinh ngày 01/9/2008 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường An Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, GKS số 156 ngày 18/9/2008
Hiện trú tại: 220-503, 99 Seosuwon-ro, Gwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5296143 cấp ngày 29/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 10/239 Nguyễn Công Hòa, phường An Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

21. **Lê Thị Thúy Kiều**, sinh ngày 12/6/1989 tại Hậu Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, GKS số 869 ngày 07/10/1989
Hiện trú tại: Goejeong-ri 214-5, Yeonil-eup, Nam-gu, Pohang-si, Gyeongsangbuk
Hộ chiếu số: N2029459 cấp ngày 01/10/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

22. **Trần Thúy Mộng**, sinh ngày 01/01/1984 tại Bạc Liêu Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, GKS số 01 ngày 13/01/2021
Hiện trú tại: (Siheung-dong), Nagil 5, Doksan-ro 44, Geumcheon-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: N2086185 cấp ngày 04/4/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

23. **Lê Thị Mai Anh**, sinh ngày 04/11/2006 tại Nghệ An Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, GKS số 06 ngày 19/01/2007
Hiện trú tại: 401 Gobollo 180-25, Gwangju-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5065097 cấp ngày 24/4/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

24. **Nguyễn Thị Ngọc Mai**, sinh ngày 18/6/2007 tại Tây Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, GKS số 111 ngày 12/7/2007
Hiện trú tại: 69-13, Daegeum-ro153beon-gil, Yuseong-gu, Daejeon-si
Hộ chiếu số: C3081230 cấp ngày 19/7/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thạch Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

25. **Nguyễn Thị Thúy Trâm**, sinh ngày 30/9/2005 tại Tây Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, GKS số 164 ngày 10/10/2005
Hiện trú tại: 69-13, Daegeum-ro153beon-gil, Yuseong-gu, Daejeon-si
Hộ chiếu số: C3081231 cấp ngày 19/7/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thạch Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

26. **Trần Bảo Linh**, sinh ngày 26/3/2005 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 314 ngày 23/9/2009
Hiện trú tại: 40-86 Hawolgok-dong, Seongbuk-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C3320123 cấp ngày 05/5/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Hà Cầu, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

27. **Nguyễn Minh Trí**, sinh ngày 10/8/2001 tại Cà Mau — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hòa Tân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau. GKS số 268 ngày 01/9/2006
Hiện trú tại: 37 Yanghwa-ro 135beon-gil, Manan-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C1957299 cấp ngày 05/7/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hòa Tân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

28. **Trần Thị Ngọc Trúc**, sinh ngày 08/6/1991 tại Kiên Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, GKS số 408 ngày 09/8/2010
Hiện trú tại: 1501-16, Pyoengni-dong, Seo-gu, Daegu
Hộ chiếu số: N2225676 cấp ngày 13/7/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

29. **Trần Thị Bé Xuân**, sinh ngày 03/6/1989 tại Sóc Trăng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, GKS số 317 ngày 14/9/1996
Hiện trú tại: 172 Anchi-ri, Sapgyo-eup, Yesan-gun, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2300308 cấp ngày 20/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

30. **Trần Xuân Diễm**, sinh ngày 27/10/1985 tại Hậu Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, GKS số 561 ngày 06/9/1994
Hiện trú tại: 14, Mogok 1-gil, Maseong-myeon, Mungyeong-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: N2300453 cấp ngày 26/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

31. **Nguyễn Kim Ngân**, sinh ngày 22/6/2002 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ, GKS số 184 ngày 23/7/2002
Hiện trú tại: 35 Punggye 2-gil, Mari-myeon, Geochang-gun, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2215990 cấp ngày 27/4/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ

32. **Nguyễn Hương Giang**, sinh ngày 28/7/2006 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Vĩnh Niệm, huyện Lê Chân, TP. Hải Phòng, GKS số 215 ngày 22/9/2008
Hiện trú tại: 123 Gwandong-ri, Hwangnyong-myeon, Jangseong-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C2676893 cấp ngày 20/01/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đông Phong, huyện Đông Hưng, Thái Bình

33. **Cao Minh Huy**, sinh ngày 05/8/2015 tại Thái Nguyên — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên, GKS số 13 ngày 09/10/2015
Hiện trú tại: Gyeonggi-do, Hanam-si, Gambuk-dong, Gamchoro, 69 beongil 11-8, The Tium, Room 202
Hộ chiếu số: C9174455 cấp ngày 26/6/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Chung cư Royal City, 72 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

34. **Chu Thị Chào**, sinh ngày 08/4/1978 tại Hà Nam — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bối Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, GKS số 73 ngày 12/6/2018
Hiện trú tại: 5-3, Jeonnong-ro 23gil, Dongdaemun-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: N2139573 cấp ngày 19/9/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bối Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

35. **Nguyễn Thị Huyền Trang**, sinh ngày 28/02/1990 tại Hưng Yên — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Hiện trú tại: 203ho, Songae2gil 32, Hyangnam-eup, Hwangseong-si, Gyeonggi-do

Hộ chiếu số: B7989791 cấp ngày 10/5/2013 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

36. **Nguyễn Thị Nhàn**, sinh ngày 04/4/2000 tại Hà Nam — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, GKS số 45 ngày 17/4/2000
Hiện trú tại: 5, Balhan-dong, Donghae-si, Gangwon-do
Hộ chiếu số: C3323763 cấp ngày 12/5/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

37. **Đinh Tuấn Anh**, sinh ngày 06/12/2004 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Yên Giang, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 131 ngày 10/12/2009
Hiện trú tại: Junggok-dong, Gwangjin-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C4151150 cấp ngày 20/11/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

38. **Lê Mai Đình**, sinh ngày 08/02/1991 tại Cà Mau — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, GKS số 293 ngày 22/12/2020
Hiện trú tại: 203-ho 15-3, Hoehyeon 1-gil, Yangsan-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2125038 cấp ngày 27/8/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

39. **Phạm Như Ý**, sinh ngày 19/10/2006 tại Cần Thơ — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ, GKS số 1839 ngày 27/10/2006
Hiện trú tại: 134, Sinseon-dong 2-ga, Yeongdo-gu, Busan-si

Hộ chiếu số: C3950302 ngày 31/10/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

40. **Phan Công Minh**, sinh ngày 03/8/2005 tại Kiên Giang — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, GKS số 93 ngày 29/12/2009
Hiện trú tại: 120, Myeonju-gil, Muan-eup, Muan-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C6091467 cấp ngày 27/9/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

41. **Nguyễn Thu Uyên**, sinh ngày 28/12/2009 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Quảng Thắng, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 04 ngày 20/01/2010
Hiện trú tại: 846 Gobeop-ri, Cheongdo-myeon, Miryang-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C2986834 cấp ngày 03/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Quảng Minh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh

42. **Phan Duyên Ái**, sinh ngày 04/3/1999 tại An Giang — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, GKS số 52 ngày 20/3/1999
Hiện trú tại: 14, Cheongneung-daero 53beon-gil, Yeonsu-gu, Incheon-si
Hộ chiếu số: N1716109 cấp ngày 06/10/2014 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

43. **Đỗ Thùy Dương**, sinh ngày 16/01/2009 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, GKS số 17 ngày 11/02/2009

Hiện trú tại: 88, Andong-ri, Maepo-eup, Danyang-gun, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: C7321171 cấp ngày 15/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

44. **Nguyễn Hạo An**, sinh ngày 05/12/2016 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hưng Đạo, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, GKS số 270 ngày 21/12/2016
Hiện trú tại: 93-1, Yongjar-ro, Jinhae-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C8283304 cấp ngày 03/10/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hưng Đạo, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương

45. **Hoàng Văn Lự**, sinh ngày 14/6/1990 tại Đắk Nông — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, GKS số 214 ngày 07/01/1999
Hiện trú tại: 65 Samdong-ro128beonji, Seongsan-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2209607 cấp ngày 29/02/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

46. **Âu Huỳnh Chi**, sinh ngày 16/8/1986 tại Đồng Tháp — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, GKS số 274 ngày 23/6/2004
Hiện trú tại: (113dong201ho, Gukdong Neulpureun Apt), Neulpureun6gil 41 Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2299774 cấp ngày 11/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

47. **Vũ Thị Hoa**, sinh ngày 24/11/1984 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 154 ngày 18/7/2008
Hiện trú tại: 51, Doksan-ro 22-gil, Geumcheon-gu, Seoul
Hộ chiếu số: N2047468 cấp ngày 27/3/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

48. **Vũ Thị Ngân**, sinh ngày 04/7/1992 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Minh Thành, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 02 ngày 01/01/1993
Hiện trú tại: 494-18, Yulsaeng-ri, Daegot-myeon, Gimpo-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1687683 cấp ngày 03/9/2013 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Minh Thành, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh

49. **Nguyễn Thị Thanh Hạnh**, sinh ngày 04/9/1981 tại Nghệ An Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, GKS số 22 ngày 13/7/2005
Hiện trú tại: 202-302, Pyeongchangdaero 1447-7, Daehwa-myeon, Pyeongchang-gun, Gangwon-do
Hộ chiếu số: N1887489 cấp ngày 26/10/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 18 ngách 164/18 Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

50. **Nguyễn Thu Mai**, sinh ngày 29/10/2012 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 08 ngày 04/01/2013
Hiện trú tại: 202-302, Pyeongchangdaero 1447-7, Daehwa-myeon, Pyeongchang-gun, Gangwon-do
Hộ chiếu số: N2172337 cấp ngày 08/12/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

51. **Nguyễn Minh Trí**, sinh ngày 12/02/2018 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 275 ngày 06/3/2018
Hiện trú tại: 202-302, Pyeongchangdaero 1447-7, Daehwa-myeon, Pyeongchang-gun, Gangwon-do
Hộ chiếu số: N1946990 cấp ngày 19/3/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

52. **Huỳnh Thị Cẩm Nhung**, sinh ngày 07/3/1982 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, GKS số 679 ngày 16/9/1982
Hiện trú tại: 12, Wolpyeong-ro, Nam-gu, Ulsan-si
Hộ chiếu số: C3921866 cấp ngày 25/9/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

53. **Nguyễn Đức Anh**, sinh ngày 19/02/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2060 ngày 13/8/2020
Hiện trú tại: 801-505 ho (Jungang APT) Jewon ro 2gil 7, Bongyang eup, Jecheon si, Chungcheongbuk do
Hộ chiếu số: N2234833 cấp ngày 28/8/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

54. **Nguyễn Trường Giang**, sinh ngày 03/5/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1497 ngày 20/5/2020
Hiện trú tại: 1296, Gyohyeon-dong, Chungju-si, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: N2223388 cấp ngày 22/5/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

55. **Trần Đức Phúc**, sinh ngày 08/10/2015 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 762 ngày 23/4/2019
Hiện trú tại: 606-2 Gojan-dong, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do

Hộ chiếu số: N2088451 cấp ngày 14/6/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

56. **Lê Thị Kiều Phương**, sinh ngày 09/4/1986 tại Đồng Tháp — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phước Thành, huyện Thạnh Hưng, tỉnh Đồng Tháp, GKS số 1752 ngày 25/12/1987
Hiện trú tại: Wangjangro 21beongil 30, Sasang-gu, Busan-si
Hộ chiếu số: N1446758 cấp ngày 03/3/2011 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

57. **Trần Phương Anh**, sinh ngày 08/7/2006 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, GKS số 373 ngày 20/9/2006
Hiện trú tại: 602 ho, 27 Daesong 12-gil, Dong-gu, Ulsan
Hộ chiếu số: C3500965 cấp ngày 19/6/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương

58. **Phạm Tường Vy**, sinh ngày 10/9/2010 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, GKS số 398 ngày 29/9/2010
Hiện trú tại: 602 ho, 27 Daesong 12-gil, Dong-gu, Ulsan
Hộ chiếu số: C6937456 cấp ngày 18/3/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương

59. **Nguyễn Mạnh Quý**, sinh ngày 21/9/2006 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Quảng Nghĩa, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 61 ngày 03/10/2006
Hiện trú tại: 101 Sintanjin-ro 162beon-gil, Daedeok-gu, Daejeon

Hộ chiếu số: C7242879 cấp ngày 24/4/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Quảng Nghĩa, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

60. **Dương Bá Dũng**, sinh ngày 05/6/1985 tại Hà Tĩnh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, GKS số 37 ngày 17/12/2001
Hiện trú tại: 15, Ancheonbuk-ro Jinhae-gun, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2042752 cấp ngày 29/10/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

61. **Nguyễn Lê Hà My**, sinh ngày 19/9/2009 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, GKS số 42 ngày 15/3/2010
Hiện trú tại: 15, Eon-ro Giheung-gu Yongin-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C2186164 cấp ngày 12/8/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng

62. **Nguyễn Ngọc Phong**, sinh ngày 10/02/1995 tại Hưng Yên — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, GKS số 47 ngày 09/6/1995
Hiện trú tại: 203ho, Songae2gil 32, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: B7339734 cấp ngày 13/12/2012 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

63. **Hồ Hoàng Bảo**, sinh ngày 03/9/2011 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, GKS số 174 ngày 21/11/2011

Hiện trú tại: #34, Mangwoo-ro67-gil, Mangwoo-dong, Jungnang-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C5006061 cấp ngày 27/4/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

64. **Phạm Thị Dung**, sinh ngày 10/10/1991 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đại Bản, huyện An Hải, TP. Hải Phòng, GKS số 327 ngày 05/11/2001
Hiện trú tại: 125-1, Sarim-ro, Uichang-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2139922 cấp ngày 30/9/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

65. **Trần Ngọc Hòa Nhiên**, sinh ngày 19/4/2008 tại Hậu Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, GKS số 228 ngày 26/11/2008
Hiện trú tại: 107beonji-5, Seokjeomg-ri, Geumsan-myeon, Goheung-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C4367751 cấp ngày 20/12/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

66. **Đinh Ngọc Gia Phúc**, sinh ngày 14/6/2012 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ, GKS số 83 ngày 04/4/2013
Hiện trú tại: 58-6 Seokjeong-ro, Poseung-eup, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5095560 cấp ngày 09/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ

67. **Lê Thị Hồng Hạnh**, sinh ngày 28/5/2010 tại Bến Tre — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, GKS số 04 ngày 07/3/2016
Hiện trú tại: 91-1 Pyeong-ri Hyangnam-eup Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C2605248 cấp ngày 23/12/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

68. **Nguyễn Thiên Phúc**, sinh ngày 12/8/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2630 ngày 21/10/2020
Hiện trú tại: 70-1, Eumseong-ro, Jangheung-eup, Jangheung-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: N2280578 cấp ngày 26/10/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

69. **Nguyễn Gia Hân**, sinh ngày 06/4/2019 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 672 ngày 11/4/2019
Hiện trú tại: 156, Yeongtong-ro 200beon-gil, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2086378 cấp ngày 11/4/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

70. **Đinh Ngọc Đạt**, sinh ngày 21/11/2005 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 347 ngày 25/11/2005
Hiện trú tại: 237 Woloh-dong Sangdang-gu Cheongju-si, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: N2299435 cấp ngày 02/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng